TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **141/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/5/2023
"Về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong trường hợp vợ chồng không đăng ký kết hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn T "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương.
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm theo hình thức số hoá, công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong trường hợp vợ chồng không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị T, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Thôn 1 Minh Tiến, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh Triệu Văn T, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn 1 Minh Tiến, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có mặt tại phiên toà; anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn, chị Đặng Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Triệu Văn T cả hai được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn 1 Minh Tiến, xã M, huyện H. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến đầu

năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do những việc phát sinh trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hay cãi vã và không còn tình cảm với nhau. Từ đầu năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, chị đi làm công nhân ở Hà Nội. Chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, không thể quay về chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn T.

Về con chung: Chị Đặng Thị T xác định chị và anh Triệu Văn T có 02 con chung, cháu Triệu Văn D, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2002; cháu Triệu Văn T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2004. Các con chung của chị và anh T đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, chị không đề nghị Toà án giải quyết về phần nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị Đặng Thị T xác định vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung; vợ chồng không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự, anh Triệu Văn T trình bày: Anh và chị Đặng Thị T chung sống hoàn toàn tự nguyện từ năm 2001, kết hôn có tổ chức cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thôn 1 Minh Tiến, xã M, huyện H; vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, Chị T đi Hà Nội làm không thường xuyên về nhà, không liên lạc với anh; vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2021, Chị T gần đây không về nhà nữa, chỉ khi gia đình có việc mới về. Anh xác định mâu thuẫn giữa anh và Chị T là trầm trọng nhưng anh không muốn ly hôn, anh muốn Chị T về nhà để cùng chung sống. Anh cho rằng Chị T làm đơn xin ly hôn thì Chị T tự giải quyết, anh không đến Toà án để giải quyết vì anh không làm đơn.

Về con chung: Anh Triệu Văn T xác nhận anh và chị Đặng Thị T có 02 con chung, cháu Triệu Văn D, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2002; cháu Triệu Văn T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2004. Các con chung của anh và Chị T đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Triệu Văn T xác nhận do không nhất trí ly hôn nên không đề nghị Toà án giải quyết gì về những nội dung này.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện H đã gửi văn bản tố tụng nhưng anh Triệu Văn T không đến Toà án để làm việc. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định; xác minh tại nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn T. Kết quả xác minh thể hiện, Chị T và anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn 1 Minh Tiến, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; anh T hiện nay vẫn ở nhà. Do vậy, việc anh T không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức chủ quan của anh T, không thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Kết quả xác minh đối với ông Triệu Văn Hùng, Trưởng thôn 1 Minh Tiến, xã M, huyện H, thể hiện: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn T là công dân cư trú ở thôn, ông Hùng cũng xác nhận các nội dung về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung, vay nợ chung của Chị T và anh T đúng như thông tin mà Chị T và anh T đã trình bày trong quá trình giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã M thể hiện chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn T không đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử không công nhận chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn T là vợ chồng; về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung, cháu Triệu Văn D, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2002; cháu Triệu Văn T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2004, các con chung của Chị T anh T đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, sống tự lập nên không xem xét giải quyết về phần nuôi con chung. Các nội dung về tài sản chung, vay nợ chung ý kiến trình bày của Chị T đều không đề nghị giải quyết về tài sản chung, không có vay nợ chung; anh T không đề nghị giải quyết về tài sản và vay nợ chung; nên đề nghị không xem xét giải quyết; Chị T được miễn nộp tiền án phí theo quy định, anh T không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến của chị Đặng Thị T, anh Triệu Văn T, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn T đều có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị T và anh T chung sống có cưới hỏi nhưng không có đăng ký kết hôn; Chị T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện H giải quyết không công nhận chị và anh T là vợ chồng và các nội dung khác có liên quan. Quan hệ tranh chấp được xác định đầy đủ là Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong trường hợp vợ chồng không đăng ký kết hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về giải quyết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả xác minh trong quá trình giải quyết vụ án, xác định, chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn T chung sống với nhau từ năm 2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối, có tổ chức cưới hỏi theo nghi lễ, phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau. Từ năm 2021 anh chị sống ly thân, không còn có quan hệ tình cảm gì với nhau. Chị T xác định không còn tình cảm, không tiếp tục chung sống, do không có đăng ký kết hôn nên Chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết không công nhận Chị T và anh T là vợ chồng. Xét yêu cầu khởi kiện của Chị T là có căn cứ và phù hợp với thực tiễn tình trạng quan hệ hôn nhân của Chị T anh T, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị T và anh T.

Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn T đều xác định vợ chồng có 02 con chung, cháu Triệu Văn D, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2002; cháu Triệu Văn T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2004. Các con chung của anh chị hiện nay đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập. Chị T không đề nghị xem xét giải quyết về phần nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Chị Đặng Thị T xác định tự thoả thuận về tài sản chung; không có vay nợ chung; Chị T không đề nghị Toà án giải quyết. Anh Triệu Văn T có ý kiến do không nhất trí với việc Chị T đề nghị không công nhận vợ chồng nên anh không có ý kiến về nội dung tài sản, vay nợ và không đề nghị Toà án giải quyết.

[3] Về việc vắng mặt của anh Triệu Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của Chị T và anh T, cũng như đã tống đạt các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Kết quả xác minh đã thể hiện anh T vẫn có mặt tại địa phương. Các thủ tục tống đạt và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm của vụ án nhưng Chị T là người dân tộc thiru số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, nên miễn nộp tiền án phí đối với Chị T.

Anh Triệu Văn T không phải nộp án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn T.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm đối với chị Đặng Thị T.

Anh Triệu Văn T không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Triệu Văn T vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Việt Phương - Hoàng Văn Thiết	**Lương Thanh Huyền**